

ĐẠI BÁT-NIỆT-BÀN KINH TẬP GIẢI

Sưu Tập trình bày: Pháp sư Bảo Lượng-Đời Lương.

QUYỂN 39

Phẩm 20: PHẠM HẠNH (Phần 4)

- Giải thích rộng tám thứ giác trí kiến.
- Giải thích rộng bốn vô ngại.
- Nói rộng nghĩa “Vô sở đắc”.
- Nói rộng về ý nghĩa thần thông ứng hóa, không câu chấp.
- Giải thích rộng về trái với pháp thường nói, nghĩa là chân đế nói là thế đế.

- Nói rộng về sự khác nhau giữa nội đạo và ngoại đạo.

“Này người thiện nam! Nay, Như lai ở trong đại chúng” cho đến “Còn được gọi là Địa vị hư không đẳng”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Chẳng bị hữu ràng buộc, chẳng bị Không làm mê muội. Giải thoát “Không”, “Hữu” để giải thích địa danh. Sau đây, sẽ dùng hai thí dụ, để giải thích công năng:

1. Vì bất sinh tham, giận.
2. Thường bao dung chúng sinh.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đây là đoạn bảy, nói về công dụng lớn của mười một thứ “Không”. Đã được tâm Kim Cương, nhận thấy rõ ràng tất cả muôn pháp, tức là tùy ý vận dụng đối với duyên, không còn câu chấp, trệ ngại nữa, là lời khen thứ nhất. Sau, từ “Kệ xưa có nay không” trở đi, cho đến cuối cùng sáu niệm xứ lại rộng, là lời khen thứ hai. Như hư không đối với các thứ sắc đáng ưa thích không cảm thấy tham đắm, đối với sắc không đáng ưa thích, cũng không nổi cơn giận dữ, nói lúc trụ trong tâm Kim Cương, không thấy tướng khác đáng ưa thích, chỉ có một tướng, vô tướng trở xuống, mười vô tận lại rộng.

Lời khen thứ ba: “Như hư không rộng lớn chẳng có đối đãi, có khả năng dung nạp tất cả vật. Ví dụ được tâm Kim Cương, như hư không. Đủ tất cả tri kiến, chẳng có pháp nào không cùng khắp. Sau đây, sẽ dùng

tám thứ tri kiến để giải thích rộng về nghĩa này”.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Vì đây đủ song chiếu không, hữu nói trên nên được lợi ích của bốn biện tài để hóa độ chúng sinh. Theo đây, có sáu lớp giải thích:

1. Nói chung tất cả pháp hữu vô ngại.
2. Y cứ khắp trên công hạnh của ba thừa, để nói về pháp vô ngại.
3. Nói được bốn vô ngại, không chấp đấm.
4. Nói về khả năng thọ trì.
5. Suy tìm nhân.
6. Đoạt sở đắc của người Nhị thừa, để làm rõ công hạnh đầy đủ của Bồ-tát.

Pháp sư Trí Tú nói: “Dưới đây là phần ba, nêu người nghe pháp được lợi. Trên đã nói về thực hành tâm xả được trí, biết về vô pháp. Ở đây, kế là, là nói không phải trực tiếp nhận biết về vô, mà cũng có thể hữu, vô song chiếu”.

“Này người thiện nam! Đại Bồ-tát” cho đến “Các pháp như vậy, tất cả đều thấy biết”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Kế là nói tám thứ tri kiến, vượt ngoài việc dung nạp, đây là việc thứ nhất: Hoặc hành, hoặc “Duyên”..., nói chung tất cả pháp, bên trong gọi là tánh, bên ngoài gọi là tướng. Mạnh mẽ gọi là nhân, yếu kém gọi là duyên.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Sau đây, là nói rộng về ví dụ thứ ba. Tám thứ tri kiến, nói về tự tu hành. Bốn vô ngại ở dưới, nói về hóa độ người ngoài:

1. Tri kiến trong nhân quả chung thứ nhất như hành là hạnh sinh diệt khởi động. Hoặc “Duyên” là từ “Duyên” mà có, nghĩa là sự giúp đỡ bên cạnh. Tánh là bên trong, tướng là bên ngoài. Sức mạnh là nhân, gần xa là Duyên. Biết tâm thiện ác của chúng sinh khởi động trong sát-na. Hoặc căn: Căn cơ nhạy bén, chậm lụt. Hoặc thiền định: biết chúng sinh được định sâu cạn. Hoặc thừa: là Đại thừa, Tiểu thừa. Hoặc Thiện tri thức khác: Biết duyên bên ngoài. Hoặc giữ giới: Hiểu suốt việc dứt ác. Hoặc Sở thí: khéo biết quên tướng.

Tất cả tri kiến như vậy, nghĩa là tổng kết sự thấy biết đối với nhân quả.

2. Biết được pháp mà ngoại đạo đã thực hành, không thấy được quả tốt.

3. Thấy pháp mà ngoại đạo thực hành, bị quả báo ba đường. Biết sửa đổi việc ác, hướng về điều lành, chắc chắn sẽ được quả thanh tịnh,

giải thoát.

4. Thấy thường, vô thường.
5. Thấy biết thuận dòng, ngược dòng.
6. Thấy biết chuyển biến chương ngại.
7. Thấy biết Phật tánh.
8. Thấy biết hai Đấng.”

“Này người thiện nam! Đại Bồ-tát” cho đến “Được chánh giải thoát, đó gọi là không thấy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Việc thứ hai cạn cợt gọi là biết, đồng biết với việc thứ tám. Nhân tà, không được quả chánh. Từ đầu tiên” cho đến “Trên phân bờ”. Là nói về khổ của bốn oai nghi. Áo thô, áo gai, đến nước cám, nước sôi, là nói về áo cơm, cam chịu khổ sở. Dưới đây sẽ nói về khổ của hành nghiệp.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thứ hai, biết pháp mà ngoại đạo thực hành, không thấy họ được quả lành.”

“Này người thiện nam! Đại Bồ-tát” cho đến “Nhập chánh giải thoát, đó gọi là biết.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thứ hai, thấy nhân tà kiến, tất nhiên sẽ mắc phải quả khổ. Biết ra khỏi khổ, sẽ được giải thoát. Vì sao? Vì người này dù thực hành tà đạo, nhưng tâm tình chán khổ tận độ. Do tâm chán khổ này mà thoát khỏi khổ, cần phải chánh giải thích đúng. Quả tà dễ biết, gọi là thấy giải thoát, việc xa gọi là biết.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thứ ba, thấy pháp mà ngoại đạo đã thực hành, được quả của ba đường. Nếu họ biết bỏ ác làm lành, sẽ được quả thanh tịnh giải thoát.”

Lại nữa, “Này người thiện nam! Đại Bồ-tát” cho đến “Đều có Phật tánh, đó gọi là biết.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thứ tư là hợp quán thường và vô thường... . Đầu tiên, chung dễ biết, gọi là thấy. Sau là riêng khó thấy, gọi là biết.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thứ tư là thấy thường, vô thường.”

Lại nữa, “Này người thiện nam! Đại Bồ-tát” cho đến “Từ sáng vào sáng, đó gọi là thấy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thứ năm, biết ngược theo các dòng, vì ngược khó biết, gọi là biết. Vì theo cái dễ hiểu, nên gọi là thấy. Từ “Tín” cho đến “Thị”, gọi là biết. Nói phàm phu trong dòng nước chảy ngược, nội phàm phu dứt ngoại gọi là ngược, chưa dứt nội gọi là theo.”

Dưới đây, là người từ sáng đi vào sáng, là nói ba đường là bóng tối, phạm phu ngoại này đều xuôi theo dòng.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thứ năm là thấy biết ngược dòng, thuận dòng.”

Lại nữa, “Này người thiện nam! Đại Bồ-tát” cho đến “Chịu quả báo ở địa ngục, đó gọi là thấy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thứ sáu, biết chuyển nặng thành nhẹ, chuyển nhẹ thành nặng. Nếu chuyển nặng thành nhẹ, nghĩa là vì hướng đến giải thoát, nên gọi là biết. Chuyển nhẹ thành nặng, vì nhắm vào sinh tử, nên gọi là thấy.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thứ sáu là thấy biết chướng chuyển biến.”

“Lại có biết mà không thấy” cho đến “Cũng như đêm tối thấy vật không rõ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thứ bảy là biết Phật tánh, vì nói về thấy biết và cả Như lai, chẳng phải như các trường hợp kia.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thứ bảy là thấy biết Phật tánh.”

Lại có vừa thấy, vừa biết, đó là Chư Phật Như lai” cho đến “Tức là sở tri của năm nhân của Như lai.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thứ tám là biết hai đế. Cho nên lại nói chân tục, là vì đầu tiên nói là tướng của địa không thấy các pháp. Về sau, nói là công năng của địa, thì không có pháp nào thấy biết, e rằng người nghe sẽ sinh hoặc hữu vô nên phải nói chân tục để hội thông. Vì chân đế không có tướng, nên chẳng thấy, chẳng biết. Chẳng phải cho rằng việc bị che giấu nên không thấy, khác với nghĩa “Cũng chẳng”, biết đối tượng huệ thí. Ở trên nói rằng chân đế vô tướng, nên không thấy, không giống như tục đế, chắc chắn có tướng để thấy. Lại nói tục đế biết thọ, là ba việc giả nói, gọi là không thấy, không có tướng cố định để thấy. Trên đã nói thấy, đều nói biết là thấy.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thứ tám là thấy biết hai đế.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Biết được như vậy, thì sẽ được những lợi ích gì?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lợi ích ngoài bốn đẳng là nghĩa. Nay, nói xả quả không bình đẳng địa, tám thứ thấy biết đối với bốn đẳng sẽ có lợi ích gì ư?”

“Phật nói: “Này người thiện nam! Đại Bồ-tát” cho đến “Từ vô ngại, nhạo thuyết vô ngại.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lợi ích ngoài từ là lợi, bốn vô ngại

là lợi về từ.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Kế là nói về công hạnh hóa độ người ngoài. Gồm có năm lượt giải thích, cũng tức là tám thứ thấy biết, chỉ vì tự tu hành và hóa độ người là khác. Ở đây, trước nêu tên bốn vô ngại.”

“Pháp Vô ngại là Đại Bồ-tát biết tất cả pháp” cho đến “Tức được bốn trí vô ngại như thế!”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Biết chung gọi là Thật, gọi là pháp vô ngại. Tùy tên gọi mà giải thích nghĩa, gọi là nghĩa vô ngại. Nói danh, nói nghĩa, gọi là từ vô ngại. Nói không thể biết, là nhạo thuyết vô ngại.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Lượt thứ nhất là pháp, là biết giới hạn của pháp. Nghĩa là lý do của lời nói một cách thông suốt. Nhạo thuyết nghĩa là dùng tâm không biếng nhác nói pháp bảo chúng sinh nghe. Tùy từng chữ mà biện luận, nghĩa là bậc Thánh vì pháp lập ra danh tự, muốn giúp cho chúng sinh biết phân biệt thiện, ác, bỏ ác, làm lành.

Chánh âm luận, nghĩa là tùy theo chủng loại, phong tục của địa phương đều được giải thoát, đều được chân chánh. Xiển-đà luận là Đại Tập Luận. Thế Biện Luận, là lối biện luận rất nhạy bén trong thế đế.” “Này người thiện nam! Pháp vô ngại là” cho đến “Các thuyết khác nhau, không thể cùng tận.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Bồ-tát biết pháp, vốn vì độ người, người không ngoài ba thừa, do biết pháp ba thừa là pháp vô ngại. Biết ba cuối cùng quy về một, là nghĩa vô ngại. Một giới, định, tuệ tạo ra nhiều tên gọi, là từ vô ngại, cũng đồng với nghĩa nhạo thuyết.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nói pháp Ba thừa là pháp vô ngại, biết lý quy một là nghĩa vô ngại. Trên một pháp đặt ra các tên gọi là từ vô ngại. Nói pháp không biết một mỗi là nhạo thuyết vô ngại.”

Lại nữa, “Này người thiện nam! Pháp vô ngại là” cho đến “Nếu chấp chấp đắm thì không gọi là Bồ-tát.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ở trên dù lại nói, nhưng vẫn chưa nói về không chấp đắm. Nay nói không có chấp đắm, để trở thành nghĩa vô ngại.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Lượt thứ ba, lấy quên tướng làm tông.”

“Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật” cho đến “Nói là biết pháp mà không chấp đắm.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nghĩa chỉ chưa rõ rệt, nên phải kích phát. Nói không chấp lấy tướng khác thì không biết khác. Không

biết tướng khác thì sẽ không biết pháp.”

“Phật nói: “Này người thiện nam! Nói về người chấp đấm” cho đến “Tất cả phàm phu đều không có bốn vô ngại.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói vô ngại là do ra khỏi sinh tử làm tên gọi. Cái tên chấp đấm, không ra khỏi sinh tử. Sau đây, sẽ nêu ra việc để làm chứng. Ở đây trước chứng minh chấp đấm chẳng phải vô ngại.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ý thưa hỏi của Bồ-tát Ca-diếp: “Đã nói rằng được Bốn vô ngại, sao lại còn chấp đấm ư?” nay, Đức Phật đáp: “Tâm chấp đấm vốn là sự trói buộc của “Hoặc”, tất nhiên, không gọi là vô ngại. Bồ-tát tâm sau, tướng chấp đã dứt hẳn, nên gọi không đấm. Này người thiện nam! Đại Bồ tát cho đến đại Bồ tát mà không hề đấm.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Chứng minh không chấp đấm, sẽ được bốn vô ngại.”

“Này người thiện nam! Pháp vô ngại cho đến “Mà không thể hết. Đó gọi là nhạo thuyết vô ngại.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lớp thứ tư giải thích về điểm khác nhau giữa bốn sự pháp, nghĩa vô ngại. Nói rộng một nghĩa, tất nhiên là không có nghĩa: Như Bồ-tát Địa Trì Sơn có nói: “Không có đất, không có núi, cũng không có cái gì để giữ gìn. Cảnh giới của Chư Phật, là biết không có đất, không có núi, là tướng của vô vi. Cảnh giới của phàm phu là đấm danh, cầu tướng.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Lớp thứ tư, được sáu Pháp này giữ mãi không quên, dùng không quên để giải thích.”

“Này người thiện nam! Đại Bồ-tát” cho đến “Nói thế luận cho nghe, nên được nhạo thuyết vô ngại.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thứ năm, là lấy Thế đế làm pháp lấy Đệ nhất nghĩa làm nghĩa Pháp sư Bảo Lượng nói: Thứ năm là lấy thế đế làm pháp vô ngại, lấy đệ nhất nghĩa để làm nghĩa vô ngại vì người Tiểu thừa nên đặt ra thuyết này. Nếu y theo kinh Thập Địa, thì Đệ nhất nghĩa là pháp vô ngại, Thế đế là nghĩa vô ngại. Đây là nói cho người Đại thừa. “Không” là một loại pháp dễ biết, nên gọi là pháp vô ngại. Thế đế thì hư cấu, giới hạn khó biết, gọi là Nghĩa vô ngại.”

“Này người thiện nam! Nếu Thanh văn, Duyên giác có được bốn vô ngại này” cho đến “Thanh văn, Duyên giác thật sự không có.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vì người Nhị thừa không có nhân, cho nên vô ngại.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Trước nói được, nay nói mất.”

“Vì sao Đại Bồ-tát” cho đến “Vì sao Phật im lặng không nói?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói về độ người ra khỏi khổ, phải do nói pháp. Nếu chỉ dùng thần thông để chứng thì sẽ không có bốn vô ngại để chứng.” Duyên giác không thể nói pháp độ người cho đến tất cả không có bốn trí vô ngại. Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Chứng riêng cho nên vô.

“Thế nào là hàng Thanh văn không có bốn vô ngại” cho đến “Vì không có ba phương tiện này, nên không có bốn vô ngại.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thanh văn nghe Phật nói pháp, có khả năng nói pháp độ người. Cũng biết Phật tánh thường trụ, nhưng vì không có phương tiện khéo, nên không phải vô ngại trong bốn việc.”

“Hàng Thanh văn, Duyên giác không thể rốt ráo” cho đến “Vì thế nên người Nhị thừa không có bốn vô ngại.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Xưa riêng, nay nói chung. Vì không biết căn cơ chúng sinh, nên Thế đế ngờ vực, không biết khéo nói Đệ nhất nghĩa “Không” nên chẳng có bốn vô ngại.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Nếu nói là đầy đủ bốn vô ngại thì không có việc đó!”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thanh văn như bốn con sông. Bồ-tát như ao A-nậu-đạt, Phật như biển cả. Hoặc có người được một, nghĩa là phàm phu này nói được bốn, không cần một người có đủ bốn.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Sao lại nói Bồ-tát mà có sở đắc?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trụ trong địa vị hư không vô đắc, được tám thứ tri kiến, bốn vô ngại. Chúng sinh khởi chấp, nay nhằm quét sạch phiền não trôi buộc, bưng bít của chúng sinh nên Phật dùng mười vô để dứt trừ.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Sau đây sẽ giải thích về mười vô, nói rộng về ví dụ thứ hai ở trên, để nói tâm Bồ-tát không còn hữu vô.

Pháp sư Trí Tú nói: “Dưới đây là nói xong sáu niệm, tình mê mờ, chấp giả dối, để chuyển biến theo duyên. Đã nghe nói vô, lại cho rằng không bao giờ có sở đắc, nên kể sẽ dùng đoạn văn này để nói rõ có sở đắc, làm sinh khởi lòng tin. Văn có sáu phần:

1. Xin Phật giải thích bài kệ “Xưa có nay không có”.
2. Đức Phật nói cho nghe thuyết trái với thường.
3. Chính là nói nghĩa có sở đắc.
4. Nói thấy tướng rõ ràng.

5. Nói kệ khen ngợi Phật và kinh giáo.

6. Xin Phật giải thích sự đồng khác giữa thế gian và xuất thế gian.”

“Phật nói: Này “Người thiện nam! Lành thay! Lành thay!” cho đến “Thế nên Bồ-tát được gọi là Vô sở đắc.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói về bốn vô ngại, lấy giả để đặt tên, thật ra thì không được nói, dù có khác nhau mà nghĩa không trái với mục đích của địa.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Thứ nhất, còn có cái được là bốn điền đảo, không có sở đắc là vô ngại.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Gồm có mười cặp đối nhau. Đây là cặp thứ nhất: Có trái ngược và không trái ngược đối nhau.”

Lại nữa, “Này người thiện nam! Vô sở đắc” cho đến “Thế nên Bồ-tát được gọi là Vô sở đắc.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Cặp thứ hai nói về ánh sáng và bóng tối đối lập nhau.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Tuệ và Vô minh đối lập nhau.”

Lại nữa, “Này người thiện nam! Vô sở đắc” cho đến “Thế nên Bồ-tát được gọi là Vô sở đắc.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Cặp thứ ba là nhân và quả đối nhau.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Vì sinh tử và Niết-bàn đối nhau.”

Lại nữa, “Này người thiện nam! Vô sở đắc” cho đến “Thế nên Bồ-tát được gọi là vô sở đắc.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Cặp thứ tư là hành tướng trong nhân đối lập nhau.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Vì Bồ-tát thừa và Nhị thừa đối nhau.”

“Này người thiện nam! Vô sở đắc” cho đến “Thế nên Bồ-tát được gọi là Vô sở đắc.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Cặp thứ năm là giáo đối nhau.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Phương Đẳng và Tiểu thừa đối lập nhau.”

“Này người thiện nam! Vô sở hữu” cho đến “Thế nên Bồ-tát được gọi là Vô sở đắc.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Cặp thứ sáu là định và loạn đối lập nhau.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: ““Không tam-muội” và vòng sinh tử.”

“Này người thiện nam! Vô sở đắc” cho đến “Thế nên Bồ-tát được

gọi là Vô sở đắc.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Cặp thứ bảy là lý thường và vô thường đối nhau.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đồng với cách giải thích này.”

“Này người thiện nam! Vô sở đắc” cho đến “Thế nên Bồ-tát được gọi là Vô sở đắc.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Cặp thứ tám là “Giải” và “Hoặc” đối nhau.” Pháp sư Bảo Lượng nói: Vì đệ nhất nghĩa và năm kiến đối nhau.

“Này người thiện nam! Vô sở đắc” cho đến “Thế nên Bồ-tát được gọi là Vô sở đắc.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Cặp thứ chín là nhân quả và người đối nhau.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đức Phật và Đại thừa đối nhau.”

Lại nữa, “Này người thiện nam! Lời ông hỏi cũng vô sở đắc” cho đến “Là quyến thuộc của ma, chẳng phải đệ tử ta.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Cặp thứ mười là bỏ, hỏi về bỏ, đáp đối nhau.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Là đồng.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Lìa quyến thuộc của ma, là đệ tử Phật.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Nói rộng về nghĩa vô đắc. Sở dĩ bảo cho biết là vì “Không” đứng đầu muôn hạnh.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Bạch Đức Thế tôn! Nghĩa này như thế nào?”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Dưới đây là đoạn năm. Trước kia, dùng mười vô để dứt chấp, giúp cho sự bừng bát tâm của phàm phu được giảm bớt phần nào, nay lại muốn dẫn chứng.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây là xong sáu niệm xứ, là giải thích rộng về ví dụ thứ nhất trên. Lối chấp của vật tình vốn giúp cho “Hoặc” ở trong tâm. Cho nên chỗ nào cũng bị ngăn ngại, chẳng thể hóa độ vô cùng. Nay nói về Bồ-tát Thập địa, với tâm Kim cương viên mãn và vì phiền não đã dứt hẳn cho nên ẩn, hiển vô phương, trăm biến hóa tự tại, nên nói không có đối tượng câu chấp.

Nay, Bồ-tát Ca-diếp với ý hỏi rằng: “Nếu quả Phật đã không có câu chấp thì sao ở trên nói bài kệ “Xưa có nay không”, chỉ vì Thuận-đà, không vì khấp đại chúng? Được biết Như lai vẫn chưa tránh khỏi chấp câu nệ?”

Phật nói: “Này người thiện nam! Ta vì hóa độ” cho đến “Văn-thù-sư-lợi liền được hiểu rõ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ý Phật đáp rằng nói pháp cùng tậ. Sau đây, trước nói rộng về nghĩa “Xưa có nay không”, sau Đức Phật sẽ đáp riêng câu hỏi.”

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn! Như Văn-thù-sư-lợi” cho đến “Là vô thường thì không có việc đó!”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói Phật vì chúng sinh chấp đắm nên nói tên của địa vô sở đắc. Không chấp đắm: là nói địa gọi là có sở đắc Văn-thù hiểu rõ, nghĩa là ở trên Bồ-tát Văn-thù sắp hỏi Phật về nghĩa khác nhau, không khác nhau, vừa nghe xong kệ này thì hiểu ngay!”

“Này người thiện nam!” Như lai khắp vì các chúng sanh cho đến “Dù thấy các pháp, mà vẫn nói là không thấy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dưới đây chính là đáp câu hỏi. Như trong Tỳ-ni nói: “Vì tùy theo thế tục nên hỏi.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là đoạn sáu, từ lúc đầu, nói “Mười một không”, người nghe nói vô, tâm không có chỗ nương gá, nên nói lại tám thứ thấy biết và lợi của bốn vô ngại. Đã nghe nói hữu, lại còn bỏ vô nên, chấp chặt lấy cái hữu. Vì dứt bỏ sự trệ ngại này, nên lại nói mười thứ vô, lại rửa sạch tình chấp. Chúng đương Thời nghe nói không “Hữu” nói lẫn nhau, nên chẳng biết phải theo bên nào? Đức Như lai quở, phải dừng tâm mình lại, cần phải tìm kiếm, mong cầu ý trong giáo. Như lai giảng nói đều đem lại lợi ích cho chúng sinh. Nói trái với lý thường còn vì lợi ích cho đương thời, hướng chi hai thuyết “Không” “Hữu” mà lại sinh ra chấp chặt ư? Nói hữu vi để khéo biết về thế đế. Nói vô vi là để nói các pháp đều không ở đây. Ở đây là hữu chẳng trái với vô, vô chẳng trái với hữu, đâu được trái với lời nói hữu, không có để rồi thêm chấp kia ư? Dù biết các pháp nói là không biết, nghĩa là nếu y theo cái học của ngoại đạo, thì thấy cũng như thế!”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Sau đây là đáp riêng về không có tướng câu chấp: đã nói là biết rồi lại nói không biết, đây là nói trái với lý thường, là nói Như lai trụ trong địa “Không bình đẳng” để nói tất cả pháp một cách tự tại, tùy ý. Nếu vậy, sao ông lại hỏi rằng: “Phật có câu chấp hay không?”

“Dù biết các pháp mà nói là không biết”, nghĩa là dù biết thường trụ mà nói rằng vô thường. Dù thấy mà nói là không thấy, nghĩa là Đức Phật nói thấy chân thường mà nói là không thấy.”

“Pháp có tướng nói là vô tướng, pháp vô tướng nói là có tướng.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Pháp có tướng nói là vô tướng: thật ra tự nó không diệt, nói là đoạn diệt. Pháp vô tướng, nói là có tướng, nghĩa là Đức Phật thật sự dứt tướng, mà nói là Bồ-tát giảng sinh trong cung vua.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Tầng trời Ba mươi ba thật sự là sinh tử mà nói là thường, ngã, lạc, tịnh. Ở đây nói có tướng mà cho là vô tướng, vô tướng mà cho là có tướng, nghĩa là nói Niết-bàn là khổ, vô thường.”

“Thật ra có vô thường mà nói là có Thường” cho đến “Ngã, lạc, tịnh... cũng giống như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Như A-la-hán ở vị lai có tướng sinh tử, mà nói là “Vô”. Thật không có tướng rốt ráo mà nói là “Có”.” Pháp sư Tăng Tông nói: “Thật có vô thường, nghĩa là tầng trời

Ba

Mười ba nói là thường. Thật sự có thường, nghĩa là nói giáo nghiêng lệch lạng quá Phật địa.”

“Pháp của ba thừa nói là Nhất thừa. Pháp nhất thừa, tùy cơ nghi nói ba.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Ba nói là một, nghĩa là đã phá “Hoặc” khác với ba, nói giáo đồng quy. Một nói ba, nghĩa là phương tiện của ngày xưa là giáo phương tiện tùy nghi.”

“Tướng lược nói thành tướng rộng, tướng rộng nói thành tướng lược.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Như một nhân duyên, rộng thì mười hai, lược thì chỉ có nhân quả mà thôi.”

“Pháp bốn tội nặng gọi là tội Thâu-lan-già, pháp Thâu-lan-già nói là bốn tội nặng.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Việc được biểu hiện trong luật, chẳng hạn như giới của tăng thì nhẹ, mà giới của ni lại nặng.”

“Phạm, nói không phạm, không phạm nói phạm” cho đến “Vì Đức Như lai thấy rõ căn tánh chúng sinh.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Chẳng hạn như tăng đi một mình, không phạm, Ni đi một mình thì phạm... .”

“Này người thiện nam! Đức Như lai dù nói lời như vậy” cho đến “Tùy phương tiện thích nghi, sẽ nói cho họ nghe.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Do nói luống dối mà được lợi cho chánh pháp, nghĩa là ngữ, tâm thì không có luống dối. Nếu nói luống dối mà có ích, thì cũng vì họ nói. Giải thích lại việc trên.

“Này người thiện nam! Tất cả thế đế, nếu đối với Như lai tức là Đệ nhất nghĩa đế.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Danh từ hai đế xuất xứ từ Phật nói, không phải do phàm phu. Nếu có cái gọi là Thế đế mà không có Đệ nhất nghĩa. Nói giả có là vì muốn nói lên chẳng thật có, nên đối với Phật là Đệ nhất nghĩa.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Danh từ hai đế nói ra từ miệng Phật, không phải nói ra từ phàm phu. Nói giả có là vì muốn nói lên chẳng thật có, mà đối với Như lai thì thường là Đệ nhất nghĩa.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thế đế dù là sum-la, nhưng đối với kẻ điên đảo thì thường có, còn đối với người không mê hoặc thì thường “Không”, chẳng hề “Có”. Nếu do Phật mà lấy thì thường là một đế, nhưng đến khi thành Phật, thì mới biết rằng chúng sinh là mộng. Đối với Như lai thì suốt ngày không có. Có cái vô để có, chẳng có cái vô để không. Vì yên lặng không có tướng mạo, nên đối với Phật đều là Đệ nhất nghĩa.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Xưa nói Niết-bàn đều không có thân, trí nói chưa liễu nghĩa, tức là luống dối, nên gọi là thế đế. Thế đế này thật ra chẳng phải là pháp vô được Phật soi sáng, tức là Đệ nhất nghĩa.”

“Vì sao Chư Phật, Thế tôn vì Đệ nhất nghĩa” cho đến “Thì Chư Phật không bao giờ giảng nói Thế đế.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Giải thích nghĩa trên, chúng sinh chấp “Có”, thì Chư Phật nói “Chẳng thật có”. Nói giả có là để dắt dẫn chúng sinh. vì để cho chúng sinh biết là giả có, chẳng thật có. Nếu không biết chẳng thật có thì Phật cũng không nói là giả có. Vì sao? Vì dù là giả, thật khác nhau, nhưng vì tai hại là một thì cần gì phải nói.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trước kia là thuyết trái với thường, nay lại trở về với sự hiểu biết kia rằng: “Như lai tùy phương tiện giải thích, hóa độ chúng sinh được lợi ích khác nhau.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Phàm phu vì phải y theo thế đế, mới biết được muôn pháp “Là vô”. Nên nói rằng, vì làm cho chúng sinh được Đệ nhất nghĩa, nên mới nói thế đế.”

“Này người thiện nam! Như lai có lúc giảng nói thế đế” cho đến “Không phải điều mà Thanh văn, Duyên giác biết được.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói Phật vô thường, phàm phu cho là thật, là bậc nhất. Nói Đệ nhất nghĩa, chúng sinh cho là Đức Phật nói thế đế. Phật nói thường, lạc là Đệ nhất nghĩa, phàm phu cho là Giả, là Thế đế.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Chấp lấy gân, thì giả danh, thật pháp là “Không”, đều là thế đế. Chấp lấy xa là cửu địa trở xuống, đã được “Không” vô ngã, cũng là thế đế, chỉ có thể của Niết-bàn thường vắng lặng là chân đế, mà chúng sinh đã nói là Cửu trụ trở xuống được “Không”, bỏ Đệ nhất nghĩa, lý luận đều là thế đế.”

“Này người thiện nam! Vì thế, ông không nên hỏi rằng:” cho đến “Sao lại hỏi rằng Vô sở đắc ư?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói ý Phật rất khó hiểu hề nghe nói là chấp đấm. Chúng sinh nói vô đắc, là bình đẳng địa, bèn cho là tất cả vô đắc, lại kết như trên.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Sau đây là đoạn bầy. Trước kia, nghe nói trái lại với lý thường, dứt bỏ mê muội cho chúng sinh, tâm không có chỗ đặt để, lại nói có được để gồm thâu ý kia. Thường được Niết-bàn, tức Đệ nhất nghĩa.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Phật nói vô phương, chẳng lẽ là cảnh giới của ông ư?”

Pháp sư Trí Tú nói: “Lượt thứ hai, chính thức đáp lời hỏi. Nghĩa có đắc tức là Bồ-đề Niết-bàn.”

“Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn! Đệ nhất nghĩa đế” cho đến “Cũng gọi là Bồ-đề, cũng gọi là Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đệ nhất nghĩa đế, gọi là chân thật. Pháp chân thật có ba thứ: Mười một “Không” thần thông, trí tuệ là đạo. Trí tức Bồ-đề. Kiệt dứt hết là vô vi, gọi là Niết-bàn. Hai pháp này đều là bậc nhất.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Lý Đệ nhất nghĩa, về lý lẽ ra là thường. Thường thì không thể đắc. Nếu đối với sự có đắc, thì là vô thường. Muốn Đức Như lai giải thích lý do vì sao là thường, chẳng phải mới có.”

Nếu có Bồ-tát nói rằng có đắc đạo” cho đến “Giống như Phật tánh không có đắc, không có sinh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đây là hỏi chung ba pháp.”

“Bạch Đức Thế tôn! Nói về Đạo: Chẳng phải sắc, chẳng phải không phải sắc” cho đến “Bồ-đề, Niết-bàn cũng giống như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hỏi về “Không” để nói không có tướng để đắc.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Niết-bàn là tên chung của các đức. Ba đức này chỉ là một thể. Nếu có thể đắc thì lẽ ra là vô thường. Vì sao pháp thường không được có, cho nên chẳng phải thường”.

Phật nói: “Đúng vậy! Đúng vậy! Này người thiện nam!” cho đến

“do nghĩa này nên không thể chấp lấy”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lấy khổ hạnh v.v... làm đạo, đó là vô thường, dùng “Không” làm đạo, đây là thường.

Bồ-tát ít thấy Phật tánh, được gọi là thường. Ngoại đạo chế phục kiết, vì kiết sinh trở lại, nên gọi là vô thường”.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trước giải thích về thường, tất nhiên, là ở Phật, vì bị phiền não che lấp, nên không thể thấy được. Nay được thấy chẳng phải mới có”.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nếu đạo là vô thường thì làm sao giúp người tu hành dứt hoặc, thành Thánh được?”

“Này người thiện nam! Dầu đạo không có hình sắc để thấy được, cân lường biết được, nhưng thật có công dụng”.

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Không thể làm cho chẳng phải sắc mà không có tự thể, thể biểu hiện ở muôn “Hoặc”, hạnh mãn tức là công dụng”.

“Này người thiện nam !Như tâm chúng sinh dù chẳng phải sắc” cho đến “Tất cả Bồ-tát đều thấy biết rõ ràng”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thấy “không”, dứt “Hoặc” là có dụng của “Không”. Thấy, biết rõ ràng, nghĩa là dùng hai việc để chứng minh là “Có”.

1. Dứt bỏ kết.

2. Thấy được rõ ràng.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Mượn tâm chúng sinh để so sánh”.

“Này người thiện nam! Thấy có hai thứ” cho đến “Dù thấy như vậy, nhưng đầu tiên vẫn không có tướng thấy”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lại dùng thấy để làm chứng. Tư tuệ của thế gian không hiểu rõ, tu tuệ thì hiểu rõ”.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Dưới đây là đoạn tám, chứng minh có đạo. Có năm lượt, đây là lượt thứ nhất, nói có thấy, cho nên có biết, tất nhiên là có”.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thấy tướng mạo, nghĩa là Cữu địa trở xuống, tin thấy là mắt thấy: Thập Trụ thấy rõ ràng. Lại, giải thích Thập trụ thấy không rõ, nên nói là thấy tướng mạo. Đức Phật vì thấy đầy đủ, nên gọi là mắt thấy”.

“Này người thiện nam! Do nhân duyên này, nên ngày trước, cho đến “Gọi là phạm phu, Bồ-tát cũng vậy”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vì nhân duyên thấy có rõ, không rõ, nên biết là “Có”. Dẫn thuyết đã nói ở trước, thấy “Có” tướng thấy

là thế gian, thấy “Không” tưởng thấy là Phật, Bồ-tát “

Pháp sư Tăng Tông nói: “Lược thứ hai là dẫn xưa, Đức Phật đã vì Xá-lợi-phất nói pháp, nên chứng biết là “Có”.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Điều mà thế gian không thấy biết, là ngoại đạo biết thì Phật và Thập trụ cũng biết. Điều mà ngoại đạo không biết thì là Phật và Thập trụ cũng biết. Nhưng cái mà thế gian không biết, đó là Phật tánh. Ngoại đạo không biết mà khởi chấp đoạn thường. Bồ- tát dù biết nhưng không nói có tướng biết, cho nên không câu chấp”.

